

Số: 167/QĐ-ĐHCVA

Hưng Yên, ngày 23 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin trình độ đại học

Mã ngành: 7480201

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHU VĂN AN

Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học có hiệu lực ngày 01/01/2019;

Căn cứ Quyết định số 135/2006/QĐ-TTg ngày 8 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Chu Văn An;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 18/03/2021 ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/06/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 164/QĐ-ĐHCVA, ngày 23/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Chu Văn An ban hành Quy định phát triển, đánh giá, rà soát và cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Chu Văn An;

Xét đề nghị của Hội đồng Khoa học và đào tạo và Phòng Quản lý đào tạo-Nghiên cứu khoa học-Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Chu Văn An.

Điều 2. Giao Phòng Quản lý đào tạo-Nghiên cứu khoa học-Hợp tác quốc tế, khoa chuyên môn và các đơn vị có liên quan tổ chức đào tạo theo đúng nội dung chương trình đã thông qua.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho các khoá tuyển sinh từ năm 2022. Các cá nhân và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

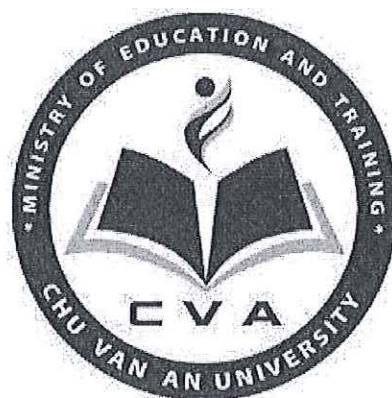
- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Công TTĐT Trường;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Hoàng Thế Liên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHU VĂN AN



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

KHOA PHỤ TRÁCH: KHOA CÔNG NGHỆ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

MÃ SỐ: 7480201

(Ban hành theo Quyết định số 162/QĐ-ĐHCVA, ngày 22/10/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Chu Văn An)

PHẦN I GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo: Tên tiếng Việt: **Công nghệ thông tin**

Tên tiếng anh: **Information Technology**

Mã ngành đào tạo: **7480201**

Danh hiệu tốt nghiệp: **Cử nhân**

Thời gian đào tạo: **4 năm đối với hệ Cử nhân,**

Tên văn bằng tốt nghiệp:

Tiếng Việt: **Cử nhân Công nghệ thông tin**

Tiếng Anh: **The Degree of Bachelor in Information Technology**

Đơn vị phụ trách: **Khoa Công nghệ**

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

2.1.1. Về kiến thức

Trang bị các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Công nghệ thông tin, cũng như được định hướng một số vấn đề hiện đại tiệm cận với kiến thức chung về Công nghệ thông tin của thế giới.

2.1.2. Về kỹ năng

Đào tạo kỹ năng thực hành cao trong hầu hết các lĩnh vực của Công nghệ thông tin, đảm bảo sinh viên tốt nghiệp dễ dàng hòa nhập và phát triển trong môi trường làm việc mới. Ngoài ra, trang bị kỹ năng tự học tập, nghiên cứu, làm việc theo nhóm và kỹ năng giao tiếp.

2.1.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Bồi dưỡng phẩm chất chính trị tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, có tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, có hiểu biết về pháp luật và đạo đức nghề nghiệp trong CNTT; có kiến thức về bảo vệ an toàn thông tin, bản quyền, có tinh thần làm việc theo nhóm, rèn luyện thường xuyên tính kỷ luật và khả năng giao tiếp.

2.2. Các mục tiêu cụ thể cho các chuyên ngành đào tạo

2.2.1. Chuyên ngành Hệ thống thông tin

Nắm vững kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Hệ thống thông tin: Hệ thống thông tin là một hệ thống thu thập, xử lý, lưu trữ và phân phối thông tin và dữ liệu, có cấu trúc đồng bộ giữa phần cứng là các máy tính, các thiết bị ngoại vi và phần mềm là các chương trình máy tính, các phần mềm hệ thống, các phần mềm chuyên dụng cùng với các hệ mạng để truyền dữ liệu. Chuyên ngành Hệ thống thông tin cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về: Phân tích, tích hợp hệ thống; Quản trị cơ sở dữ liệu; Lập trình quản lý cơ sở dữ liệu; Cách quản lý hệ thống thông tin trong cơ quan, doanh nghiệp;

Xây dựng được các hệ thống thông tin cho việc quản lý kinh tế, hành chính và dịch vụ như Giáo dục điện tử; Thương mại điện tử; Chính phủ điện tử; Các hệ thống thông tin địa lý (GIS).

2.2.3 Chuyên ngành Công nghệ Truyền thông và Thương mại điện tử

Trang bị kiến thức cơ bản và khả năng khảo sát, phân tích, thiết kế, xây dựng, quản trị các ứng dụng truyền thông cho doanh nghiệp và tổ chức; có kiến thức nền tảng vững chắc về quy trình phát triển ứng dụng đa phương tiện, khả năng phát triển và sử dụng các công cụ và công nghệ cần thiết để phát triển ứng dụng; đề xuất các giải pháp kỹ thuật xây dựng hệ thống truyền thông cụ thể cho đơn vị.

Cung cấp cho sinh viên cơ hội học tập và thực hành sâu không chỉ về Digital Marketing nói chung mà bao gồm cả cách thức áp dụng công nghệ thông tin hiện đại trong việc thực hiện các chiến dịch marketing online, có được cái nhìn tổng quát về Thương mại điện tử dựa trên mạng lưới Internet để từ đó có thể xây dựng được một hệ thống thương mại online hoàn chỉnh. Cụ thể, trang bị kiến thức xây dựng thương hiệu trên các trang mạng online bao gồm các trang mạng xã hội như Facebook, Instagram và Youtube, quy trình và nhiệm vụ của SEO và SEM. Từ đó, hướng dẫn chi tiết cách thức sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu Marketing online cũng như các công cụ tối ưu hóa cho SEO và SEM.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Đối tượng tuyển sinh: Người Việt Nam, người nước ngoài có nhu cầu học đại học.

3.2. Phạm vi tuyển sinh: Trên toàn quốc

3.3. Phương thức tuyển sinh:

3.3.1. Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia

3.3.2. Xét tuyển theo kết quả học bạ lớp 12 THPT

3.3.3. Xét tuyển kết hợp thi tuyển.

4. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện Thông tư 08/2021/TT-BGDDT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Chu Văn An.

5. Chuẩn đầu ra(CĐR)

Mã số CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra
Chuẩn về kiến thức (KT)	
KT1	Có kiến thức cơ bản về luật pháp; hiểu được hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin; nắm được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; nắm được những nội dung cơ bản về đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam;
Kiến thức chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, Tin học	
KT2	- Năng lực ngoại ngữ đạt bậc 3/6 chuẩn tương đương theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. - Kỹ năng sử dụng CNTT theo chuẩn TT 03/2014/TT-BTTTT
Kiến thức giáo dục thể chất – GDQP AN	
KT3	Hiểu biết về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới. Vận dụng những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao vào quá trình tập luyện và tự rèn luyện;
Kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	
KT4	Kiến thức cơ bản của các ngành khoa học liên quan như Toán cao cấp, Toán tin, Vật lý, ... và áp dụng các kiến thức khoa học tự nhiên để giải các bài toán thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin;
KT5	Kiến thức cơ sở về máy tính, kiến thức lập trình và sử dụng một số ngôn ngữ lập trình; kiến thức về các cơ sở dữ liệu, cấu trúc dữ liệu, các thuật toán cơ bản liên quan tới sắp xếp, tìm kiếm và các thuật toán xử lý dữ liệu; mạng máy tính, website.
KT6	Kiến thức ngành về Hệ thống thông tin, phân tích thiết kế hệ thống thông tin theo yêu cầu của người dùng; kiến thức về An toàn và bảo mật thông tin, hệ điều hành, Quản trị hệ thống.
KT7	Kiến thức chuyên sâu về giải thuật, lập trình, kỹ năng xử lý ảnh, học máy, khai

	phá dữ liệu, trí tuệ nhân tạo; kiến thức chuyên sâu về quản lý dự án, hệ thống thông tin, mạng không dây, điện toán đám mây ... kỹ thuật thiết kế giao diện người dùng trên thiết bị di động.
KT8	Xây dựng hệ thống truyền thông đa phương tiện, hệ thống thương mại điện tử; Lập trình, quản trị được các ứng dụng trên môi trường web cho truyền thông (Media) và xây dựng hệ thống Tiếp thị số (Digital Marketing), các kênh bán hàng trực tuyến.
Chuẩn về kỹ năng/phẩm chất đạo đức (KN)	
KN1	Thành thạo kỹ năng làm việc trong môi trường thực tế; kỹ năng trình bày ý tưởng dưới dạng một báo cáo khoa học; kỹ năng lập trình, tư duy và giải quyết vấn đề.
KN2	Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; Có tư duy sáng tạo; có tư duy phản biện; biết đề xuất sáng kiến
KN3	Kỹ năng làm việc theo nhóm; kỹ năng cá nhân; kỹ năng giao tiếp; quản lý và lãnh đạo.
Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm (TC)	
TC1	Tạo dựng được lối sống tự lực; khẳng định và bảo vệ được quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật; Tự điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng thích ứng với các yếu tố mới, môi trường mới.
TC2	Thay đổi được cách tư duy, cách biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu mới, hoàn cảnh mới cũng như thích ứng được với các mối quan hệ xã hội.

(Thang đo Bloom: 6 cấp độ đo sự nhận thức về kiến thức 1. Ghi nhớ - Remembering; 2. Hiểu - Understanding; 3. Áp dụng - Applying; 4. Phân tích - Analyzing; 5. Đánh giá- Evaluating; 6. Sáng tạo - Creating)

6. Triển vọng nghề nghiệp

Làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp có hệ thống thông tin, lĩnh vực truyền thông và phát triển nội dung số.

Đảm nhiệm được các vị trí công tác cụ thể như: Thiết kế, quản trị mạng, phân tích, thiết kế chương trình xử lý dữ liệu, quản trị các hệ cơ sở dữ liệu, nghiên cứu viên về Công nghệ thông tin trong các tổ chức/cơ quan chuyên nghiệp.

Đảm nhiệm được vị trí: Giảng viên về Công nghệ thông tin trong các trường cao đẳng, đại học.

Là chuyên viên tư vấn các giải pháp, xây dựng và bảo trì hệ thống ICT.

7. Quy trình đào tạo và công nhận tốt nghiệp

7.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ thông tin hệ cử nhân thực hiện trong 8 học kỳ. Trong đó có thời gian tích lũy kiến thức tại trường và thực tập tại cơ sở thực tế, đào tạo theo hình thức tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của nhà Trường.

7.2. Quy trình tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Thang điểm: thang điểm 10 và quy đổi theo hệ A, B, C, D, F

-Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

-Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	9,0 – 10,0	A+	4
	8,5 – 8,9	A	3,7
	8,0 – 8,4	B+	3,5
	7,0 – 7,9	B	3,0
	6,5 – 6,9	C+	2,5
	5,5 – 6,4	C	2,0
	5,0 – 5,4	D+	1,5
	4,0 – 4,9	D	1
Không đạt	0,0 – 3,9	F	0

- Điểm Z được tính theo công thức: $Z=0,1.X+0,3.Y1+0,6.Y2$ trong đó:

+ X - Điểm chuyên cần (đi học đầy đủ), tham gia thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài tập đầy đủ, tham gia bài tập nhóm

+ Y1- Điểm tham gia giữa kỳ

+ Y2- Điểm thi kết thúc học phần

PHẦN II

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Nội dung chương trình đào tạo cử nhân

(Tổng số tín chỉ toàn khoá: **128** (không bao gồm GDTC, GDQP))

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	36
	Giáo dục thể chất (không tính trong CTĐT)	3 CC
	Giáo dục quốc phòng an ninh (không tính trong CTĐT)	11 CC
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	92
	<i>92 tín chỉ bao gồm:</i>	
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	22
2.2	Kiến thức ngành	29
2.3	Kiến thức một trong 2 chuyên ngành	28
	<i>Hệ thống thông tin 28 tín chỉ</i>	
	<i>Công nghệ Truyền thông và thương mại điện tử 28 tín chỉ</i>	
2.4	<i>Thực tập</i>	5
2.5	<i>Đồ án tốt nghiệp</i>	8
Tổng số:		128

2. Khung chương trình đào tạo

(TH- Thực hành; TN- Thí nghiệm; TL- Thảo luận, BT-Bài tập)

TT		Tên học phần		Loại giờ tín chỉ	
----	--	--------------	--	------------------	--

	Mã học phần		Số tín chỉ	Lí thuyết	TH, TN, TL	BT	Học phần tiên quyết
1	Kiến thức giáo dục đại cương		36				
	Học phần đại cương		27				
1	1050001	Triết học Mác -Lênin	3	25	10	10	
2	1050002	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	15	10	5	1050001
3	1050003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	7	3	1050001, 1050002
4	1050004	Lịch sử ĐCS Việt Nam	2	15	5	10	1050001,
5	1050005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	15	5	10	1050001, 1050004
6	1040001	Tiếng Anh 1	4	30	10	20	
7	1040002	Tiếng Anh 2	4	30	20	10	1040001
8	1040003	Tiếng Anh chuyên ngành	3	20	15	10	1040001, 1040002
9	1031001	Tin học Đại cương	3	20	15	10	
10	1015004	Pháp luật đại cương	2	15	10	5	
	Học phần khoa học cơ bản		9				
1	1051001	Đại số tuyến tính	2	25	3	2	
2	1051002	Giải tích I	2	25	3	2	1051001
3	1051003	Giải tích II	3	30	10	5	1051002
4	1051004	Xác suất thống kê	2	20	9	1	1051003
	Học phần GDTC, GDQP		CC				
1		Giáo dục thể chất	3				CC
2		Giáo dục quốc phòng	11				CC
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		92				
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		22				

1	1031005	Toán rời rạc	3	20	5	5	1051003
2	1031006	Kiến trúc máy tính	2	20	5	5	1031001
3	1031007	Phương pháp tính	2	22	5	3	1031005
4	1031008	Nhập môn lập trình	3	30	10	5	1031001
5	1031009	Cơ sở dữ liệu	3	30	10	5	1031008
6	1031010	Nhập môn Mạng máy tính	3	30	10	5	1031006
7	1031011	Hệ điều hành	3	30	10	5	1031006
8	1031012	Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật	3	35	5	5	1031001
2.2	Kiến thức ngành Bắt buộc Tự chọn		29 23 6				
	Học phần bắt buộc		23				
1	1031013	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	3	30	10	5	1031009
2	1031014	Phân tích và thiết kế hệ thống	3	30	10	5	1031011
3	1031015	Lập trình hướng đối tượng	3	30	10	5	1031008
4	1031016	Truyền thông đa phương tiện.	3	30	10	5	1031006
5	1031017	Học máy	3	30	10	5	1031011
6	1031018	Lập trình Web	3	25	10	10	1031010
7	1031019	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	2	30	10	5	1031014
8	1031020	Đồ họa máy tính	3	25	10	10	1031006
	Học phần tự chọn 2 (6 Tín chỉ)		6/18				
9	1031021	Trí tuệ nhân tạo	3	30	10	5	1031006
10	1031022	Internet vạn vật (Internet Of Things)	3	30	10	5	1031010
11	1031023	Hệ điều hành linux	3	25	15	5	1031011
12	1031024	Xử lý ảnh	3	25	15	5	
13	1031025	Cơ sở dữ liệu phân tán	3	30	10	5	1031009
14	1031026	Lập trình nâng cao (Lập trình Java)	3	25	15	5	1031008
2.3	Chuyên ngành lựa chọn		28				

2.3.1		Chuyên ngành Hệ thống thông tin Bắt buộc Tự chọn	28 22 6				
		Học phần bắt buộc	22				
1	1031027	Quản trị Hệ thống thông tin	3	30	10	5	1031006
2	1031028	Phân tích dữ liệu lớn	4	40	10	10	1031011
3	1031029	Khai phá dữ liệu	3	30	10	5	1031012
4	1031030	An toàn hệ điều hành	2	20	5	5	1031013
5	1031031	Lập trình hệ thống	3	30	10	5	1031011
6	1031032	Hệ thống thông tin địa lí	2	20	5	5	1031006
7	1031033	Thực hành thiết kế Hệ thống thông tin	3	25	15	5	1031014
8	1031034	Quản lí dự án Công nghệ thông tin	2	20	5	5	1031027
		Học phần tự chọn 2(6 Tín chỉ)	6/18				
9	1031035	Mạng không dây và di động	3	25	15	5	1031010
10	1031036	Công nghệ điện toán đám mây	3	25	15	5	1031033
11	1031037	Cơ sở dữ liệu nâng cao	3	25	15	5	1031011
12	1031038	Hệ thống thông tin kế toán	3	25	10	10	1031014
13	1031039	Quản lí dự án phần mềm	3	25	15	5	1031027
14	1031040	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	3	25	15	5	1031033
		Tốt nghiệp	13				
15	1031041	Thực tập tốt nghiệp	5				
16	1031042	Đồ án tốt nghiệp	8				
2.3.2		Chuyên ngành Công nghệ truyền thông và thương mại điện tử Bắt buộc Tự chọn	28 22 6				
		Học phần bắt buộc	22				
1	1031043	Cơ sở dữ liệu đa phương tiện	3	15	10	5	1031009

2	1031044	Công nghệ truyền thông đa phương tiện	3	15	10	5	1031016
3	1031045	Thương mại điện tử	3	25	15	5	1031016
4	1031046	Digital Marketing	3	25	10	10	1031016
5	1031047	Kỹ thuật đồ họa máy tính nâng cao	3	25	15	5	1031020
6	1031048	Lập trình Web cho Thương mại điện tử	3	25	15	5	1031018
7	1031049	Kỹ thuật SEO (Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm)	4	20	15	10	1031018
Học phần tự chọn 2(6 tín chỉ)			6/12				
8	1031050	Truyền thông marketing	3	25	15	5	1031016
9	1031051	Thiết kế ảnh và biểu mẫu(Thiết kế 3D)	3	20	15	10	1031020
10	1031052	Thực hành xây dựng hệ thống TMDT	3	20	15	10	1031012
11	1031053	Thực hành xây dựng kênh truyền thông chuẩn SEO	3	20	15	10	1031016
Tốt nghiệp			13				
12	1030054	Thực tập tốt nghiệp	5				
13	1030055	Đồ án tốt nghiệp	8				
TỔNG			128				

Tổng số Tín chỉ đào tạo cử nhân: 128

3. Ma trận các học phần hình thành năng lực: Kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm (Phụ lục 1 đính kèm)

4. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

4.1 Bảng phân chia tín chỉ cho toàn khóa

Thời gian, địa điểm học	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
Dự kiến học kỳ	1	2	3	4	5	6	7	8
Tổng số tín chỉ: 128 tín chỉ	16	15	18	18	17	16/15	15/16	13

Trong học kì 8 có 15 tín chỉ trong đó có 5 tín chỉ thực tập và 8 tín chỉ đồ án tốt nghiệp hoặc kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

Các môn học dưới đây không tính điểm vào điểm trung bình trung tích lũy nhưng được tính làm điều kiện tốt nghiệp, cấp bằng cuối khóa (trừ kỹ năng bổ trợ).

-Môn học Giáo dục thể chất: 03 tín chỉ, sinh viên đăng ký học: 02 tín chỉ vào học kỳ 1 và 01 tín chỉ vào học kỳ 2.

-Môn học Giáo dục Quốc phòng: 11 tín chỉ, học 01 tháng, tại trường hoặc đơn vị quân đội.

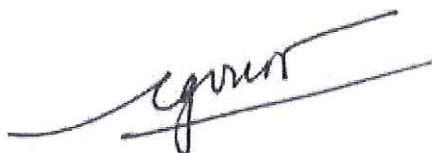
4.2. Kế hoạch giảng dạy các môn của Chương trình đào tạo Cử nhân 128 tín chỉ

TT	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
Học kỳ 1		16	
1	Triết học Mác-Lênin	3	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
3	Tiếng Anh 1	4	
4	Tin học đại cương	3	
5	Pháp luật đại cương	2	
6	Đại số tuyến tính	2	
Học kỳ 2		15	
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	
3	Tiếng Anh 2	4	
4	Giải tích I	2	
5	Toán rời rạc	3	
6	Kiến trúc máy tính	2	
Học kỳ 3		18	
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
2	Giải tích II	3	
3	Tiếng Anh chuyên ngành	3	
4	Nhập môn lập trình	3	
5	Xác suất thống kê	2	
6	Phương pháp tính	2	
7	Cơ sở dữ liệu	3	
Học kỳ 4		18	

1	Nhập môn mạng máy tính	3	
2	Lập trình hướng đối tượng	3	
3	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	
4	Hệ Điều hành	3	
5	Truyền thông đa phương tiện	3	
6	Tự chọn (chọn 1 trong 3 học phần)	3	
	Cơ sở dữ liệu phân tán 3 tín chỉ		
	Trí tuệ nhân tạo 3 tín chỉ		
	Hệ điều hành Linux 3 tín chỉ		
Học kỳ 5		17	
1	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	
2	Học máy	3	
3	Lập trình Web	3	
4	Phân tích và thiết kế hệ thống	3	
5	An toàn và bảo mật Hệ thống thông tin	2	
6	Tự chọn (chọn 1 trong 3 học phần)	3	
	Internet Vạn Vật (IOT) 3 tín chỉ		
	Xử lý ảnh 3 tín chỉ		
	Lập trình nâng cao(Lập trình Java) 3 tín chỉ		
Học kỳ 6			
<i>Chuyên ngành Hệ thống thông tin:</i>		16	
1	Đồ họa máy tính	3	
2	Lập trình hệ thống	3	
3	Quản trị hệ thống thông tin	3	
4	An toàn Hệ điều hành	2	
5	Quản lý dự án Công nghệ thông tin	2	
6	Tự chọn: (chọn 1 trong 3 học phần)	3	
	Mạng không dây và di động 3 tín chỉ		
	Công nghệ điện toán đám mây 3 tín chỉ		
	Cơ sở dữ liệu nâng cao 3 tín chỉ		
<i>Chuyên ngành Truyền thông và thương mại điện tử</i>		15	
1	Đồ họa máy tính	3	
2	Công nghệ truyền thông đa phương tiện	3	
3	Thương mại điện tử	3	
4	Lập trình Web cho thương mại điện tử	3	

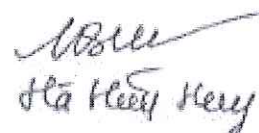
5	Tự chọn: (chọn 1 trong 2 học phần)	3	
	Truyền thông maketing 3 tín chỉ		
	Thiết kế ảnh và biểu mẫu(Thiết kế 3D) 3 tín chỉ		
Học kỳ 7			
Chuyên ngành Hệ thống thông tin:		15	
1	Khai phá dữ liệu	3	
2	Hệ thống thông tin địa lí	2	
3	Phân tích dữ liệu lớn	4	
4	Thực hành thiết kế Hệ thống thông tin	3	
5	Tự chọn (chọn 1 trong 3 học phần)	3	
	Hệ thống thông tin kế toán 3 tín chỉ		
	Quản lí dự án phần mềm 3 tín chỉ		
	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động 3 tín chỉ		
Chuyên ngành Truyền thông và thương mại điện tử		16	
1	Digital Maketting	3	
2	Cơ sở dữ liệu đa phương tiện	3	
3	Kỹ thuật SEO (Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm)	4	
4	Kỹ thuật đồ họa máy tính nâng cao	3	
5	Tự chọn: (chọn 1 trong 2 học phần)	3	
	Thực hành xây dựng hệ thống TMĐT 3 tín chỉ		
	Thực hành xây dựng kênh truyền thông chuẩn SEO 3 tín chỉ		
Học kỳ 8		13	
1	Thực tập tốt nghiệp	5	
2	Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp	8	
Tổng cộng		128	

Trưởng Khoa



PGS.TS Lương Văn Vượt

Trưởng Bộ môn



TS. Hà Hữu Huy

PHỤ LỤC 01

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHU VĂN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA CÔNG NGHỆ

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG MA TRẬN NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA THEO THANG BLOOM

			CHUẨN ĐẦU RA												
TT	MÃ HỌC PHẦN	KHỐI KIẾN THỨC	Kiến thức								Kỹ năng nghề nghiệp			Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
			KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KT7	KT8	KN1	KN2	KN3	TC1	TC2
I		Kiến thức giáo dục đại cương													
		Học phần bắt buộc													
1	1050001	Triết học Mác -Lênin	2								3	3	3	3	3
2	1050002	Kinh tế chính trị Mác -Lênin	2								3	3	3	3	3
3	1050003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2								3	3	3	3	3
4	1050004	Lịch sử ĐCS Việt Nam	2								3	3	3	3	3
5	1050005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2								3	3	3	3	3

6	1040001	Tiếng Anh 1		3								3		3		3
7	1040002	Tiếng Anh 2		3								3		3		3
8	1040003	Tiếng Anh chuyên ngành		3								3		3		3
9	1031001	Tin học Đại cương		3								3		3	3	3
10	1015004	Pháp luật đại cương	2									3		3	3	3
	Học phần khoa học cơ bản															
11	1051001	Đại số tuyến tính				2								3	3	3
12	1051002	Giải tích I				2								3	3	3
13	1051003	Giải tích II				2								3	3	3
14	1051004	Xác suất thống kê				2								3	3	3
	Học phần GDTC, GDQP															
15		Giáo dục thể chất			2									3	3	3
16		Giáo dục quốc phòng			2									3	3	3
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp															
	Kiến thức cơ sở ngành															
17	1031005	Toán rời rạc				3	3					3	5	3		3
18	1031006	Kiến trúc máy tính				3	3					3	5	3		3
19	1031007	Phương pháp tính				3	3					3	5	4		3

20	1031008	Nhập môn lập trình						3	4				5	5	4		3
21	1031009	Cơ sở dữ liệu						3	4				4	4	4		3
22	1031010	Nhập môn Mạng máy tính						3	3				3	4	4		3
23	1031011	Hệ điều hành						3	3				3	5	4		3
24	1031012	Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật						3	4				4	5	4		3
25	Kiến thức ngành																
	Bắt buộc																
26	Tự chọn																
	Học phần bắt buộc																
27	1031013	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu							3	4			3				
28	1031014	Phân tích và thiết kế hệ thống							3	4			3				
29	1031015	Lập trình hướng đối tượng							3		4		3				
30	1031016	Truyền thông đa phương tiện.							3	4		3	3				
31	1031017	Học máy							3	3		3	3		3	3	3
32	1031018	Lập trình Web							3	3		3	3		3	3	3
33	1031019	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin							3	3	4	4	3	3	3		3
34	1031020	Đồ họa máy tính							3	3	4	4	3	3	3	3	3
	Học phần tự chọn 2 (6 Tín chỉ)																

47	1031033	Thực hành thiết kế Hệ thống thông tin							3	4	4	3				3
48	1031034	Quản lý dự án Công nghệ thông tin							3	4	4	3				3
	Học phần tự chọn 2(6 Tín chỉ)															
49	1031035	Mạng không dây và di động							3	4	4	3	4	4		3
50	1031036	Công nghệ điện toán đám mây							3	4	4	3	4	4		3
51	1031037	Cơ sở dữ liệu nâng cao							3	4	4	3	4	4		3
52	1031038	Hệ thống thông tin kế toán								4	4	3	4	4		3
53	1031039	Quản lý dự án phần mềm							3	4	4	3	4	4		3
54	1031040	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động							3	4	4	3	4	4		3
	Tốt nghiệp															
55	1031041	Thực tập tốt nghiệp							4	4	4	3	4	4		3
56	1031042	Đồ án tốt nghiệp							4	4	4	3	4	4		3
	Chuyên ngành Công nghệ truyền thông và thương mại điện tử															
	Bắt buộc															
	Tự chọn															
	Học phần bắt buộc															

57	1031043	Cơ sở dữ liệu đa phương tiện								3	4	4	4	3	4	3	3
58	1031044	Công nghệ truyền thông đa phương tiện								3	4	4	4	4	3	3	3
59	1031045	Thương mại điện tử								3	4	4	4	4	3	3	3
60	1031046	Digital Marketing								3	4	4	4	4	3	3	3
61	1031047	Kỹ thuật đồ họa máy tính nâng cao								3	4	4	4	4	3	3	3
62	1031048	Lập trình Web cho Thương mại điện tử								3	4	4	4	4	3	3	3
63	1031049	Kỹ thuật SEO(Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm)								3	4	4	4	4	3	3	3
	Học phân tự chọn 2(6 tín chỉ)																
64	1031050	Truyền thông marketing								3	4	4	4	4	3	3	3
65	1031051	Thiết kế ảnh và biểu mẫu(Thiết kế 3D)								3	4	4	4	4	3	3	3
66	1031052	Thực hành xây dựng hệ thống TMĐT								3	4	4	4	4	3	3	3
67	1031053	Thực hành xây dựng kênh truyền thông chuẩn SEO								3	4	4	4	4	3	3	3

	Tốt nghiệp																						
68	1030054	Thực tập tốt nghiệp					4	4	4	4	4	4	4	3	4	3							3
69	1030055	Đồ án tốt nghiệp					4	4	4	4	4	4	4	3	4	3							3
	TỔNG																						

